

Số: 21 /2017/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 18 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất ban hành kèm theo Quyết định số 42/2014/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng:

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 13 như sau:

“1. Đối với việc di chuyển mỏ mả không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 8 của Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của

Chính phủ thì người có mô mã phải di chuyển được bố trí đất và được bồi thường chi phí đào, bóc, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp thì được bồi thường theo đơn giá của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định”.

2. Bãi bỏ khoản 2 Điều 16.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 16 như sau:

“5. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động.

Đối tượng được hỗ trợ là người lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn và hợp đồng lao động xác định thời hạn từ một đến ba năm.

Mức trợ cấp ngừng việc trong một tháng được tính bằng mức tiền lương bình quân 6 tháng liền kề trước khi người lao động ngừng việc của ngành nghề tương ứng mà người lao động đang hưởng theo quy định, nhưng mức hỗ trợ không được thấp hơn mức tiền lương tối thiểu vùng do Chính phủ quy định. Thời gian hỗ trợ là thời gian ngừng sản xuất kinh doanh, nhưng tối đa không quá 6 tháng”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm a khoản 1, Điều 17 như sau:

“1. Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo quy định sau:

a) Hỗ trợ bằng tiền cho toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi cùng loại trong Bảng giá đất do UBND tỉnh quy định, diện tích được hỗ trợ không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp tại Điều 129 của Luật Đất đai, cụ thể như sau:

- Đất trồng lúa, đất trồng cây hàng năm khác: Mức hỗ trợ bằng 3,0 lần giá đất nông nghiệp tương ứng theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

- Đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản: Mức hỗ trợ bằng 2,0 lần giá đất nông nghiệp tương ứng theo bảng giá đất do UBND tỉnh quy định.

- Đất rừng sản xuất: Đối với các thị trấn của các huyện và thành phố Cao Bằng, mức hỗ trợ bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp tương ứng theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định; các xã còn lại mức hỗ trợ bằng 1,0 lần giá đất nông nghiệp tương ứng theo bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định”.

5. Bổ sung khoản 8, 9 và 10 vào Điều 19 như sau:

“8. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất quy định tại khoản 2, Điều 5 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường khi Nhà nước thu hồi dưới 30% diện tích đất sản xuất nông nghiệp đang sử dụng trong phạm vi xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi tại thời điểm có

quyết định thu hồi đất mà diện tích thu hồi từ 100 m² trở lên đối với đất sản xuất nông nghiệp và 1.000m² trở lên đối với đất rừng sản xuất thì được hỗ trợ như sau:

- Thu hồi từ 20 % đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ bằng tiền tương đương 30kg gạo tẻ thường/nhân khẩu/tháng theo thời giá bán lẻ bình quân phổ biến do Sở Tài chính ban hành tại thời điểm hỗ trợ, thời gian hỗ trợ không quá 03 tháng;

- Thu hồi từ 10% đến dưới 20% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ bằng tiền tương đương 30kg gạo tẻ thường/nhân khẩu/tháng theo thời giá bán lẻ bình quân phổ biến do Sở Tài chính ban hành tại thời điểm hỗ trợ, thời gian hỗ trợ không quá 1,5 tháng;

- Trường hợp thu hồi dưới 10% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì không được hỗ trợ.

9. Đối với đất nông nghiệp trong địa giới hành chính phường; đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở tại các xã, phường, thị trấn, ngoài việc bồi thường theo giá đất nông nghiệp còn được hỗ trợ bằng 50% giá đất ở của khu vực có đất thu hồi theo bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định (không phân biệt hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp hay không trực tiếp sản xuất nông nghiệp; không áp dụng đối với phần diện tích nếu đã được tính hỗ trợ chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm).

Diện tích của mỗi thửa đất được tính để hỗ trợ bằng tiền được quy định như sau:

- Các phường, xã của thành phố; thị trấn các huyện; khu quy hoạch huyện lỵ, các xã khu vực 1: Diện tích tính hỗ trợ tối đa không vượt quá 400 m²/thửa.

- Các xã, thị trấn thuộc khu vực 2: Diện tích hỗ trợ tối đa là 500 m²/thửa.

- Các xã khu vực 3: Diện tích hỗ trợ tối đa là 600 m²/thửa.

Trường hợp bị thu hồi nhiều thửa đất trong cùng 01 dự án, mức hỗ trợ tối đa không quá 05 lần hạn mức giao đất ở theo quy định của UBND tỉnh.

Đối với đất rừng sản xuất trong địa giới hành chính phường thì được hỗ trợ bằng 25% giá đất ở của khu vực có đất thu hồi theo bảng giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Diện tích hỗ trợ tối đa không quá 400m².

10. Các trường hợp khác (nếu có), UBND cấp huyện đề xuất chính sách hỗ trợ gửi các cơ quan liên quan để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Quy định mức đất ở tái định cư đối với trường hợp hộ gia có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi

Trường hợp trong hộ gia đình có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi đủ điều kiện để tách từng hộ gia đình

riêng theo quy định của pháp luật về cư trú hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một thửa đất ở thu hồi thì Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào quỹ đất ở và tình hình thực tế tại địa phương để quyết định giao thêm đất ở (ngoài lô tái định cư đã được nhận theo quy định) theo quy định sau:

1. Hộ gia đình có 03 cặp vợ chồng hoặc 03 thế hệ cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi thì xem xét giao thêm một lô đất ở tái định cư;

2. Hộ gia đình có 04 cặp vợ chồng trở lên hoặc 04 thế hệ cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi thì xem xét giao thêm hai lô đất ở tái định cư;

Điều kiện để giao thêm đất ở tái định cư: Việc giao thêm 01 lô đất ở phải đảm bảo tổng diện tích đất ở thu hồi sau khi đã trừ đi phần diện tích của suất tái định cư tối thiểu tại nơi tái định cư (lô thứ nhất) thì phần diện tích còn lại tối thiểu phải $\geq 50\%$ diện tích của suất tái định cư tối thiểu theo quy hoạch. Việc giao thêm 02 lô đất ở phải đảm bảo tổng diện tích đất ở thu hồi sau khi đã trừ đi phần diện tích của 02 suất tái định cư tối thiểu tại nơi tái định cư thì phần diện tích còn lại tối thiểu phải $\geq 50\%$ diện tích của suất tái định cư tối thiểu theo quy hoạch.

Hộ gia đình, cá nhân được giao đất ở tái định cư phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Các trường hợp khác (nếu có), UBND cấp huyện đề xuất chính sách, gửi các cơ quan liên quan để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 8 năm 2017 và không áp dụng cho các công trình, dự án đã ban hành quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước ngày quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Trung tâm thông tin-VP UBND tỉnh;
- Các PCVP, các CV;
- Lưu: VT, ND.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh

Hoàng Xuân Ánh